TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH VĨNH LONG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2019/DSPT

Ngày: 25- 6 -2019

Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Ông Đặng Văn Lộc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Vệ - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý: 63/2019/TLPT- DS, ngày 16 tháng 04 năm 2019. Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DSST, ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 119/2019/QĐ-PT, ngày 05 tháng 06 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim X, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Số B16, đường P, khóm 5, phường 9, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 292/1E, đường 14/9, phường 5, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y**,** sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ hộ khẩu thường trú:Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Hiện đang cư trú: Số 94/5A, đường 14/9, khóm 3, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

- *Người kháng cáo*: Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Kim Xuyến trình bày: Ngày 08/11/2016, bà X và bị đơn Nguyễn Thị Hồng H có xác lập hợp đồng vay tài sản nội dung: Bà X cho chị Hồng H vay số tiền 30.000.000 đồng; không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay chỉ thỏa thuận khi nào bà X cần nhận lại tiền gốc đã cho vay thì chị H sẽ trả. Thực hiện thỏa thuận nêu trên cùng ngày bà X đã giao cho chị Huyên số tiền 30.000.000 đồng, chị H có viết biên nhận cho bà X. Đến tháng 11 năm 2017, do có nhu cầu sử dụng tiền gốc nên bà Xuyến yêu cầu chị H trả lại số tiền đã vay, chị H không thực hiện. Bà X khởi kiện yêu cầu chị H trả lại số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng H có tường trình đề ngày 16/6/2018 và ngày 10/11/2018 trình bày: Do bà X có cho chị Nguyễn Thị Hoàng Y vay số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 08/11/2016 chị Yến có nhờ chị H đến gặp bà X nhận dùm chị Y số tiền 30.000.00 đồng mà chị Y vay của bà Y (vì chị Y và chị H là bạn học với nhau). Khi chị H đến nhà bà X để nhận tiềm dùm cho chị Y thì bà X yêu cầu chị H viết biên nhận cho bà X, chị H đồng ý viết biên nhận có nội dung có vay của bà X số tiền 30.000.000 đồng. Chị H nộp chứng cứ là biên nhận chị Y viết có nội dung xác nhận số tiền 30.000.000 đồng chị H nhận thay chị Y. Vì vậy, chị H không đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng cho bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày : Xác định số tiền 30.000.000 đồng chị H nhận của bà X theo biên nhận ngày 08/11/2016 là do chị H vay mượn không liên quan gì đến chị Y và có ý kiến xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2019/DSST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V Quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng H phải có nghĩa vụ trả bà X số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo biên nhận ngày 08/11/2016.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/03/2019 chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn kháng cáo. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc chị Y phải chịu trách nhiệm trả bà X số tiền 30.000.000 đồng, chị H đã nhận thay chị Y từ bà X

Tại cấp phúc thẩm:

Bà Nguyễn Kim X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị Nguyễn Thị Hồng H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ bổ sung.

Trình bày phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tung dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay sự có mặt của các thành viên, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình tham gia tố tụng.

Xét kháng cáo của chị Hồng H là không có căn cứ chấp nhận.Bởi vì, ngày 8/11/2016 chị H có vay của bà X số tiền 30.000.000 đồng có làm biên nhận (BL 46), nhưng bà H thừa nhận có nhận tiền của bà X và có làm biên nhận như bà X trình bày, nhưng khoản tiền này chị H nhận thay cho chị Y vay và đã đưa cho chị Y và chị Y có gởi tiền trả lãi cho bà X nhưng bà X không thừa nhận có nhận của chị H số tiền 30.000.000 đồng và chị Y không có nhờ chị H vay tiền của bà X.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 13/2019/DSST, ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V.

- Chị H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự. Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử ngày 18/02/2019 đến ngày 05/03/2019 chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn kháng cáo nên kháng cáo của chị H là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu giải quyết buộc chị Y phải trả bà X số tiền 30.000.000 đồng.

Chị Hồng H cho rằng: Ngày 08/11/2016 khoảng 21 giờ 30 phút thì bà Xuyến có đến nhà mẹ chị H (Phường 9) gặp chị H gởi chị H số tiền 30.000.000 đồng nhờ chị H đưa cho chị Y. Sau khi trực tiếp nhận của bà X số tiền 30.000.000 đồng, chị H có viết biên nhận cho bà X (BL 117). Sau khi nhận tiền từ bà X, chị H đã giao cho chị Y số tiền 30.000.000 đồng. Sáng ngày 09/11/2016 thì chị Y, chị H, bà X cùng có mặt (trước nhà mẹ chị H ở Phường 9) bà X yêu cầu chị Y viết biên nhận lại cho bà X, thì chị Y đã viết biên nhận cho bà X. Do đó, chị H cho rằng số tiền chị H nhận của bà X ngày 08/11/2016 là nhận dùm cho chị Y nên không đồng ý trả cho bà X số tiền nêu trên. Xét lời trình bày của chị H cho rằng khoản tiền vay 30.000.000 đồng ngày 08/11/2016 chị Huyên chỉ nhận dùm chị Y là không có căn cứ bởi lẽ:

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/7/2017, biên bản đối chiếu tiền vay, tiền hụi ngày 28/08/2018 tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V chị H thừa nhận:"*Y nói với tôi là Y hỏi vay thêm X 30.000.000 đồng và X nói nếu tôi đứng ra mượn và bảo lãnh thì mới đồng ý cho Y vay, lãi suất bao nhiêu tôi không biết.*

Do tôi thương yêu Y nên muốn giúp đỡ Y nên đồng ý đứng ra mượn tiền của X là 30.000.000 đồng để cho Y mượn"; "*Trong đó 30.000.000 đồng tôi đứng ra mượn của X để cho Y mượn*" đã chứng minh được chị H biết được việc bà X không đồng ý cho chị Y vay tiền mà chỉ đồng ý cho chị H vay tiền nên chị H đồng ý vay tiền của bà X với mục đích là để cho chị Y vay lại. Cho nên, chị H đã trực tiếp vay tiền của bà X, bà X đồng ý cho chị H vay số tiền 30.000.000 đồng, khi nhận tiền chị H đã ký nhận nợ của bà X thể hiện tại biên nhận ngày 08/11/2016. Như vậy, giữa bà X và chị H đã thực hiện giao kết hợp đồng vay tài sản là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của chị H trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm chị H cũng thừa nhận chị H là người nhận tiền trực tiếp nhận số tiền 30.000.000 đồng và viết biên nhận nhận tiền từ bà . Đồng thời, biên nhận ngày 08/11/2016 không có nội dung nào thể hiện chị Huyên nhận số tiền 300.000.000 đồng từ bà X là nhận dùm cho chị Y

Việc chị H cho rằng ngày 09/11/2016 giữa bà X, chị Y cùng có mặt bà X đã yêu cầu chị Y viết biên nhận vay của bà X 30.000.000 đồng tức đã nhận số tiền 30.000.000 đồng mà ngày 8/11/2016 chị H vay của bà X nhưng chị H không cung cấp biên nhận hoặc chứng cứ chứng minh giữa bà X, chị H và chị Y đã cùng thống nhất thỏa thuận chuyển giao khoản tiền vay ngày 08/11/2016 giữa bà X và chị H đã chuyển thành khoản tiền vay của bà X, chị Y vì chị H cho rằng sau khi bà X yêu cầu chị Y viết biên nhận cho bà X nhưng không có chứng cứ chứng minh và chính chị H thừa nhận cũng không yêu cầu bà X trả lại biên nhận ngày 8/11/2016 chị Huyên đã viết vay của bà Xuyến 30.000.000 đồng.

Chị H cho rằng ngày 08/11/2016 chỉ nhận số tiền 30.000.000 đồng của bà X thay cho chị Y và chị Y có viết biên nhận cho bà X và cung cấp biên nhận của chị Yến cùng ngày 08.11/2016 có nội dung:" *Tôi tên Nguyễn Thị Hoàng Y ngụ 94/54 đường 14/9 K 3, p 5, TPVL có mượn của chị X P9.TPVL số tiền là 30.000.000 đ (Ba chục triệu đồng chẵn). Vĩnh Long ngày 8/11/2016*" " *Tờ giấy Nguyễn Thị Hồng H đã viết cho chị Kim X là chung với số tiền 30.000.000đ (Ba chục triệu đồng)*". Xét lời khai của chị H đối với biên nhận nêu trên có nhiều mâu thuẫn: Tại tờ tường trình ngày 16/06/2018 chị H cho rằng : "*Ngày hôm sau tôi đưa tiền cho bà Y, đề nghị bà Y viết lại tờ biên nhận cho tôi (có chứng cứ) và khi viết lại biên nhận cho bà X phải bỏ tờ biên nhận tôi đã viết trước, bà Y đã thông báo*

với tôi bà Y đã thực hiện rồi"; biên bản ghi lời khai ngày 03/06/2019 chị H trình bày: "*Còn biên nhận có nội dung* : *Tôi tên Nguyễn Thị Hoàng Y ngụ 94/54 đường 14/9 K 3, p 5, TPVL có mượn của chị X P9.TPVL số tiền là 30.000.000 đ (Ba chục triệu đồng chẳn. Vĩnh Long ngày 8/11/2016*" " *Tờ giấy Nguyễn Thị Hồng H đã viết cho chị Kim X là chung với số tiền 30.000.000đ (Ba chục triệu đồng) Y đưa cho tôi kêu tôi bỏ đi, còn biên nhận trước đó (ngày 8/11/2016 tôi viết viết cho bà X thì tôi không có kêu bà X trả lại cho tôi*; khi thì thừa nhận biên nhận nêu trên là do chị H cất giữ không có giao cho X

Từ những nhận định nêu trên chứng minh được việc bà X và chị H đã trực tiếp cùng nhau xác lập hợp đồng vay tài sản ngày 8/11/2016 giữa bên cho vay là bà X và người vay tiền là chị H và không có sự chuyển giao nghĩa vụ giữa bà X, chị H và chị Y. Căn cứ theo quy định tại Điều 471, 474 BLDS 2005 thì chị H là người trực tiếp vay tiền của bà X thì phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà X nên án Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X là có căn cứ theo quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm chị H cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ mới để làm thay đổi nội dung vụ án nên kháng cáo của chị H là không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng Huyên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DSST, ngày 18/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Căn cứ Điều 471, 473, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí lệ phí số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim X

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim X, buộc chị Nguyễn Thị Hồng H trả bà Nguyễn Kim X số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo biên nhận ngày 08/11/2016.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3/ Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H phải nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)

Hoàn trả bà Nguyễn Kim X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003279, ngày 16/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 00 4387, ngày 07/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND TVL;
- CA TAND TVL;
- TAND TP.VL;
- Chi cục THADS TP.VL;
- Các đương sự.
- Lưu HS; TNV, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Duy Mỹ Ngọc